

Số: ~~1541~~/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày ~~26~~ tháng ~~8~~ năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Tuyến đường từ đường QL4D đến bản Tả
Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Tuyến đường từ đường QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 633/TTr-TNMT ngày 15/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông: Giàng A Nhà - Cư trú tại bản Sùng Chô, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 778.789.903 đồng.

(Bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn chín trăm linh ba đồng)

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:



- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã Sùng Phài.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Giàng A Nhà có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND xã Sùng Phài, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

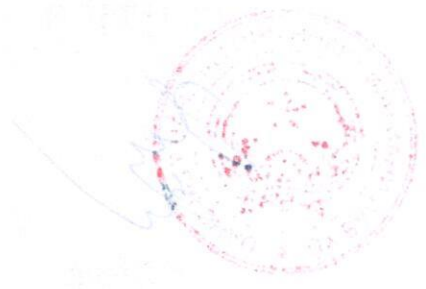
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng



BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án: Tuyến đường từ đường QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài, TP. Lai Châu
(Kèm theo Quyết định số: ~~1541~~/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
15	Họ và tên: Giàng A Nhà				
	Địa chỉ thường trú: bản Sùng Chô - xã Sùng Phài				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				778.789.903
a	Về đất				176.601.500
1	Diện tích thu hồi	m ²	4.879,3		
2	Loại đất:				
2,1	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	1.057,6	37.000	39.131.200
2,2	Đất trồng cây lâu năm	m ²	3.259,9	37.000	120.616.300
2,3	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	m ²	561,8	30.000	16.854.000
	Vị trí: 1, khu vực 1				
	Nguồn gốc: Được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: BQ 185406 do UBND thị xã Lai Châu cấp ngày 16/10/2013 cho ông Giàng A Nhà, mục đích sử dụng đất: Đất trồng lúa, sử dụng ổn định, không tranh chấp				
b	Tài sản, vật kiến trúc, (Toàn bộ tài sản do ông Giàng A Nhà tạo lập 2010. trước khi có quy hoạch sử dụng đất của dự án không bị lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính. Sử dụng ổn định, không tranh chấp và bồi thường hỗ trợ bằng 100% đơn giá theo QĐ 30/2017 ngày 14/8/2017)				403.838
1	Đào hào thủ công (8,9*1,1*0,5)	m ³	4,9	82.500	403.838
c	Về cây cối hoa màu				15.208.865
1	Cây lấy gỗ D 10-25	Cây	9	42.000	378.000
2	Sản lượng chè (năng suất 22tấn/ha/năm x 2 năm x 250m ²)	kg	1100,0	6.000	6.600.000
3	1 Cây lấy gỗ D40, H7	m ³	0,9	480.000	422.016
4	Cây lấy gỗ D 5-10	Cây	3	30.000	90.000
5	Sản lượng lúa (năng suất 5,3 tấn/ha/vụ x 606,5m ²)	Kg	321,4	9.000	2.893.005
6	Sản lượng ngô (năng suất 5,5 tấn/ha/vụ x 150m ²)	Kg	82,5	10.000	825.000
7	Sản lượng ngô (năng suất 5,5 tấn/ha/vụ x 561,8m ²)	Kg	309,0	10.000	3.089.900
8	2 cây lấy gỗ D30, H6	m ³	0,8	480.000	406.944
9	Cây lấy gỗ D 10-25	Cây	12	42.000	504.000



STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
d	Về chính sách hỗ trợ				586.575.700
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 4.0 lần giá đất trồng lúa)	m ²	1.057,6	148.000	156.524.800
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất lâu năm)	m ²	3.259,9	111.000	361.848.900
3	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất nương rẫy)	m ²	561,8	90.000	50.562.000
4	Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp từ 30 đến 70% theo khoản 3, điều 19, nghị định 47 ngày 15/5/2014 và điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ 07 khẩu *30 kg gạo * 6 tháng)	kg	1260,0	14.000	17.640.000



